

# KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023 (ANV)

## CTCP Nam Việt

Ngày 15/01/2024	<b>29,700 VNĐ</b>		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.3%	-5.7%	-

**DT thuần**  
2023

**4,439**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼458 | -9.3%

**LN thuần**  
2023

**49.9**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼705 | -93.4%

**LN sau thuế**  
2023

**41.8**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼632 | -93.8%

**Tỷ lệ lãi EBIT**  
2023

**4.6%**

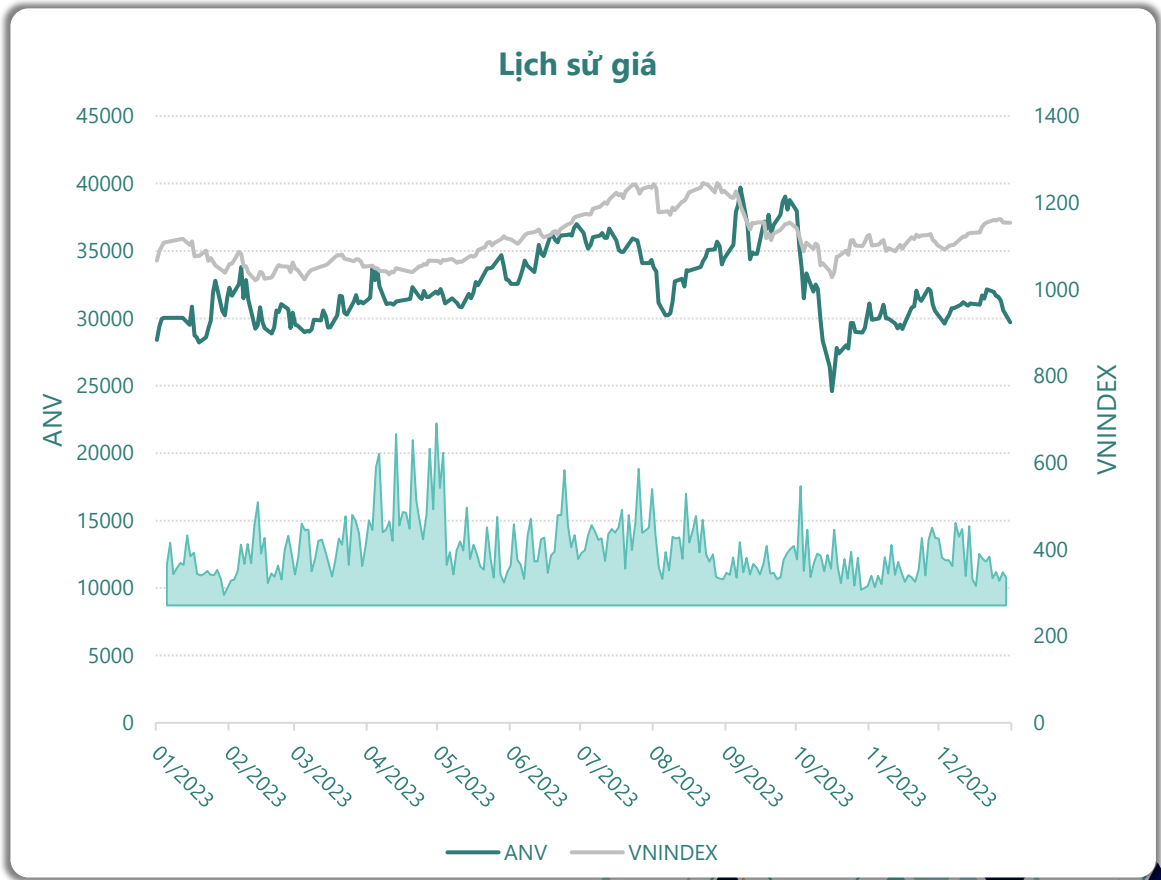
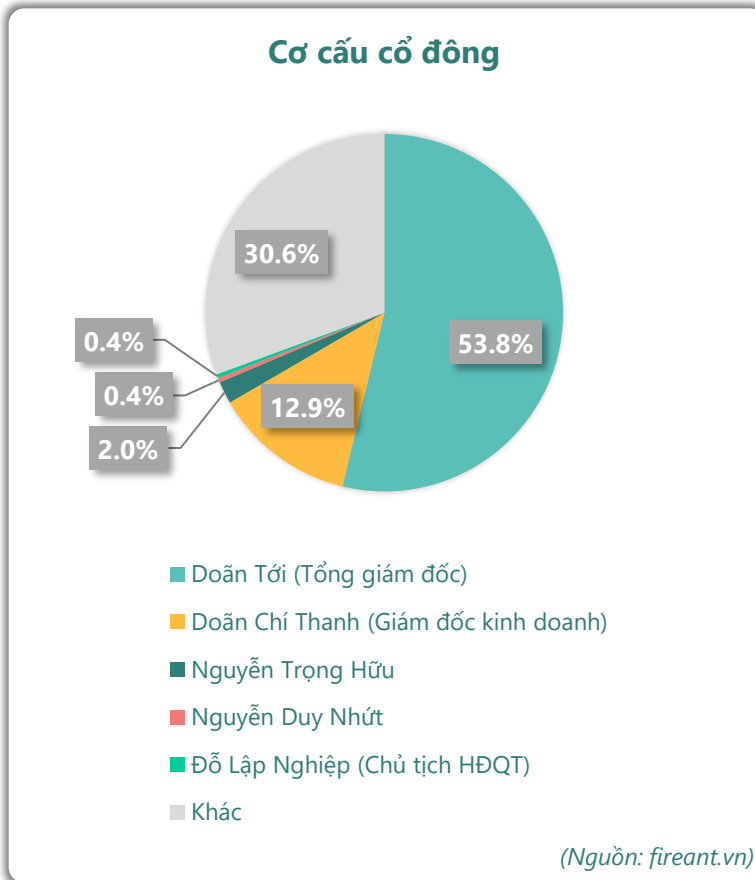
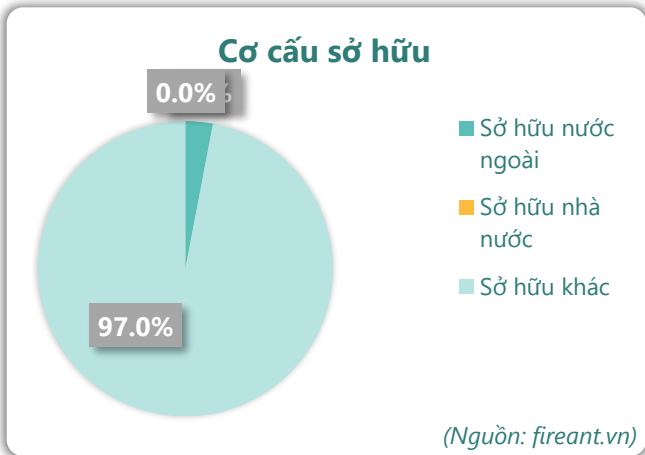
YoY: +/- ▼ 13.3%

**ROE**  
2023

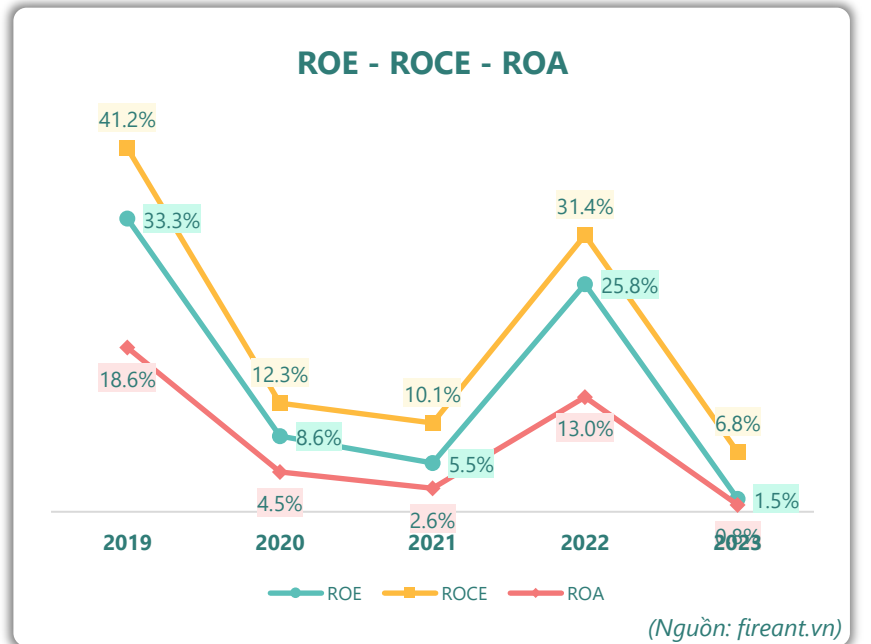
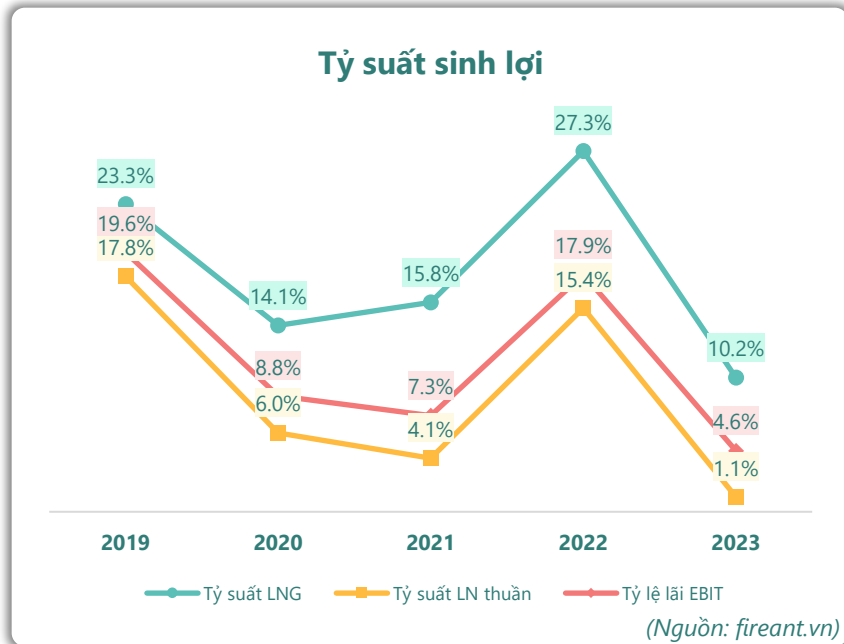
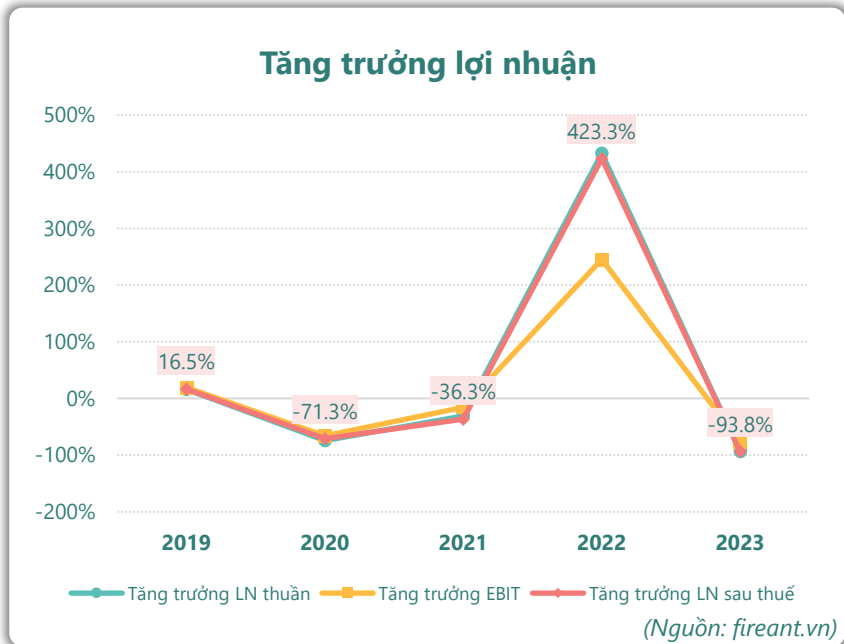
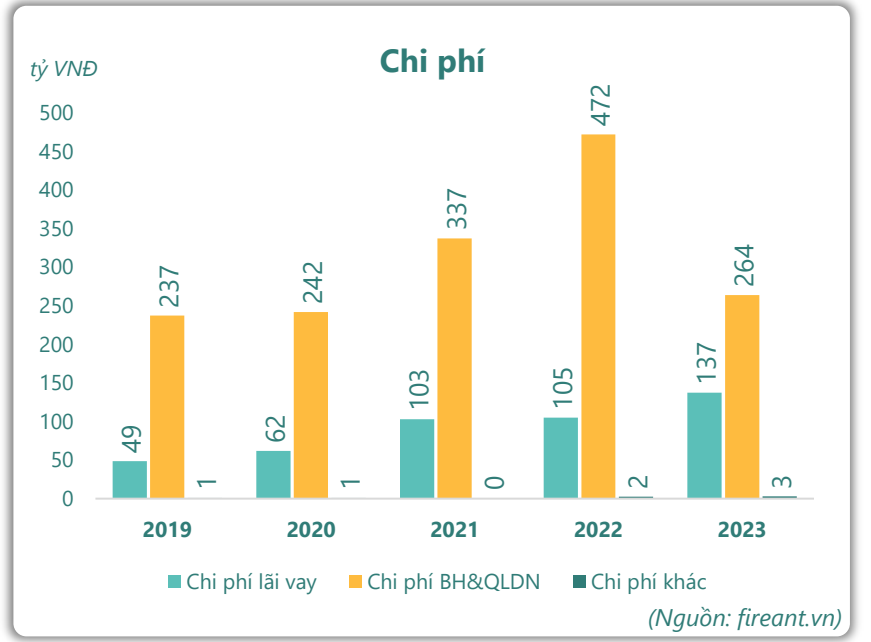
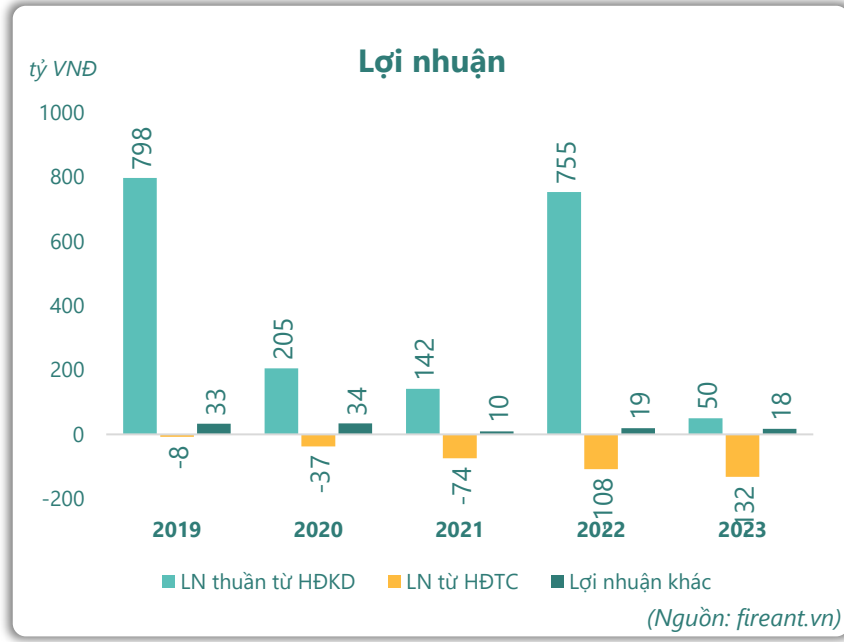
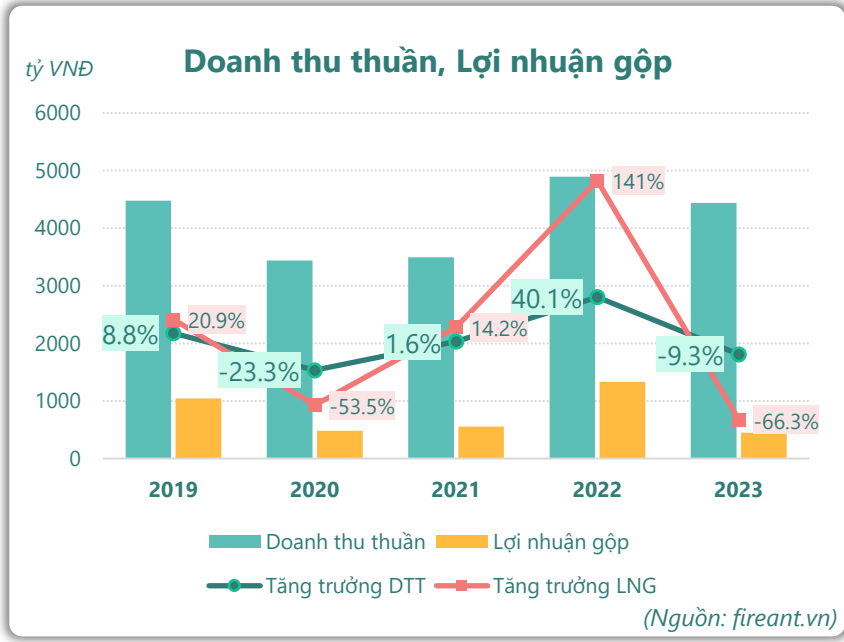
**1.5%**

YoY: +/- ▼ 24.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	24,600 - 39,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,954
Số lượng CPLH (CP)	133,127,875
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,197,955
Sở hữu nước ngoài	3.0%
Beta	1.71
EPS	314
P/E	98.9



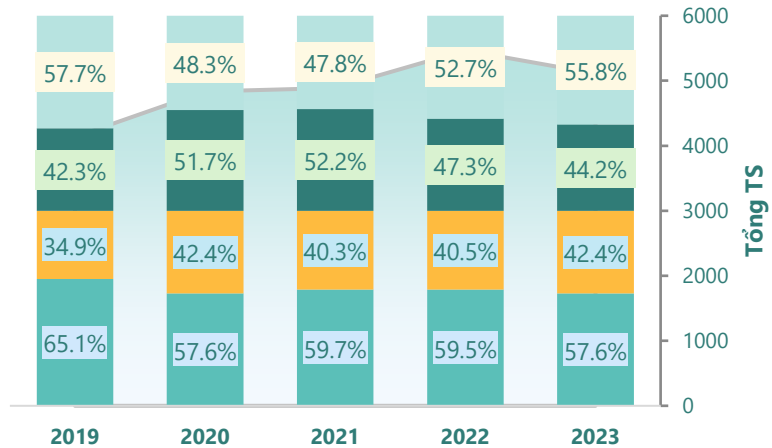
# KẾT QUẢ KINH DOANH



# TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

### Cơ cấu Tổng tài sản

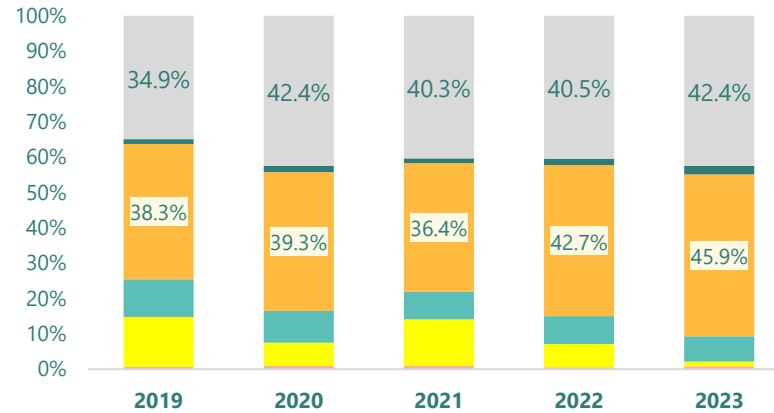
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

### Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

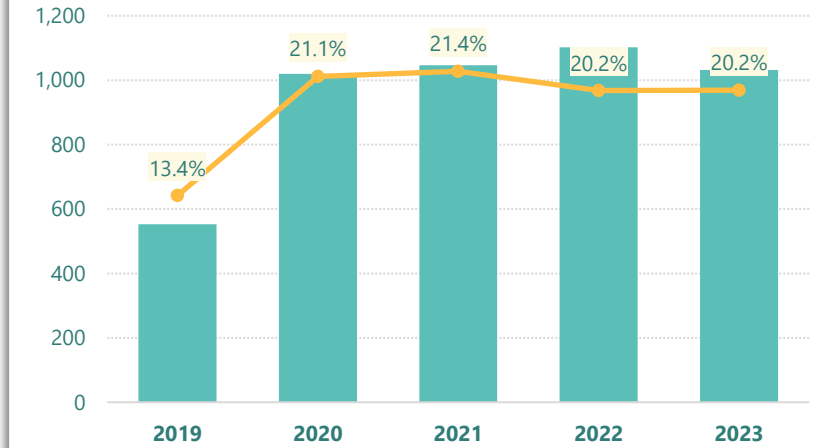


■ Tiền và tương đương tiền ■ Đầu tư tài chính ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn  
■ Hàng tồn kho ■ Tài sản ngắn hạn khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản cố định

tỷ VNĐ

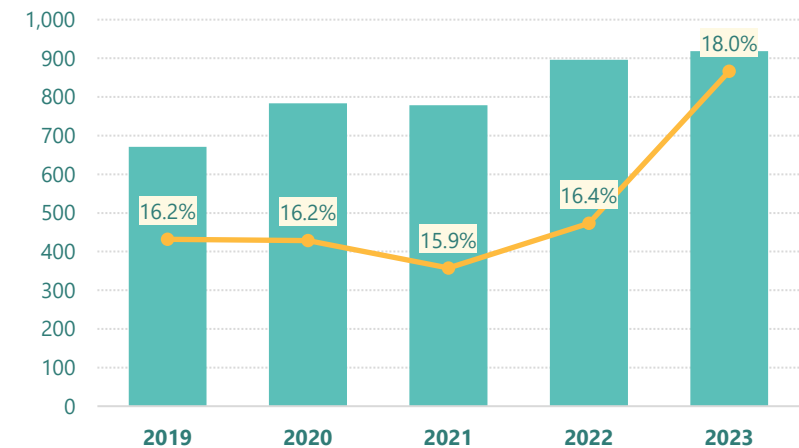


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

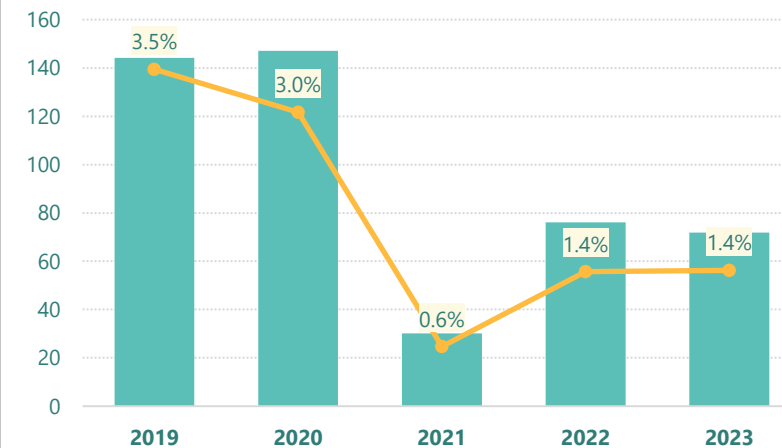


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

### Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

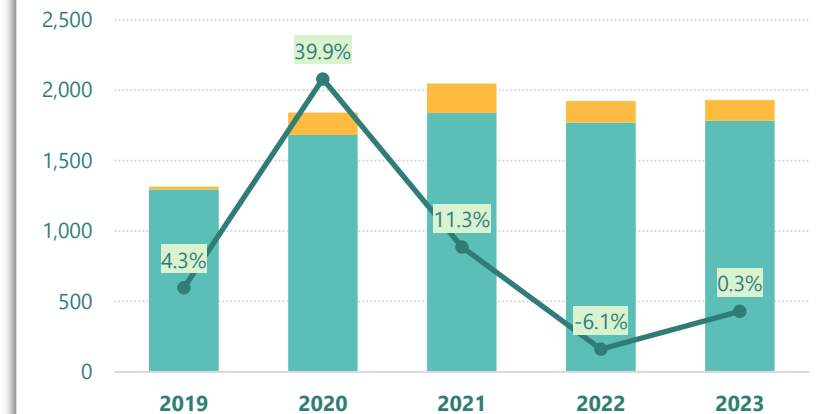


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

### Nợ vay

tỷ VNĐ

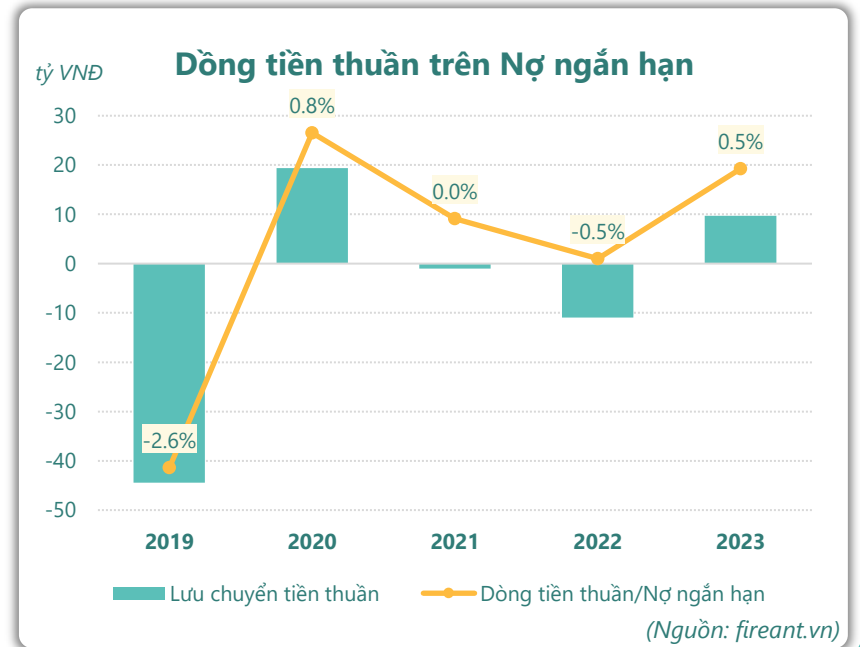
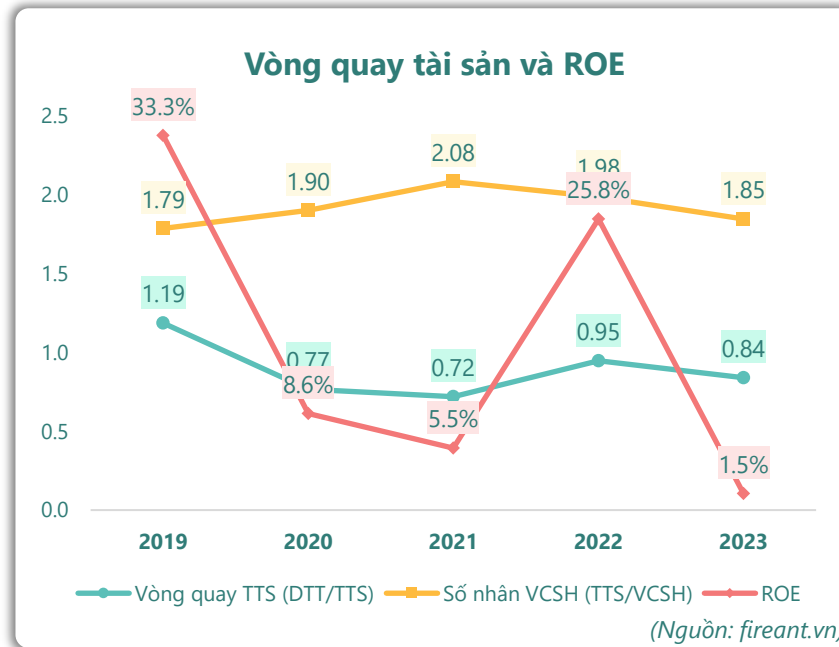
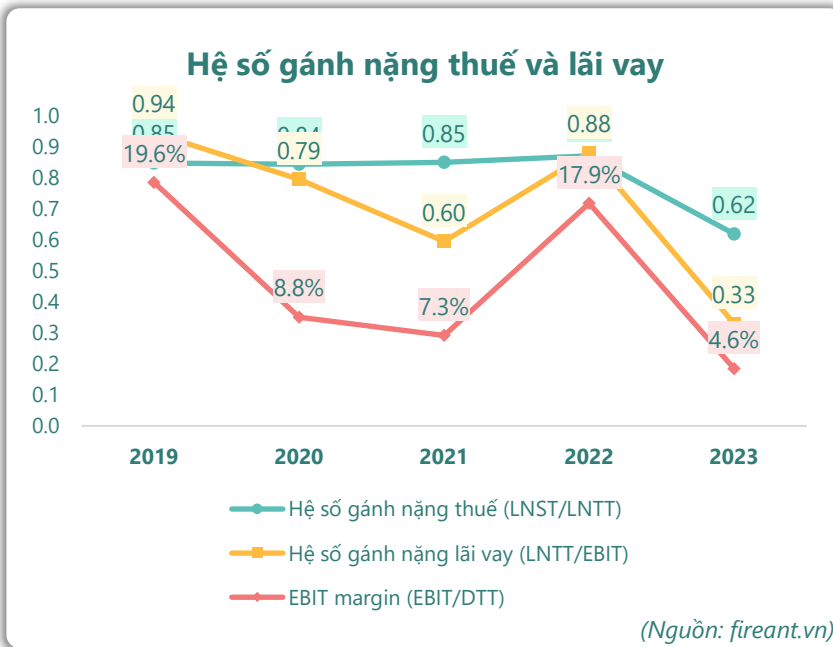
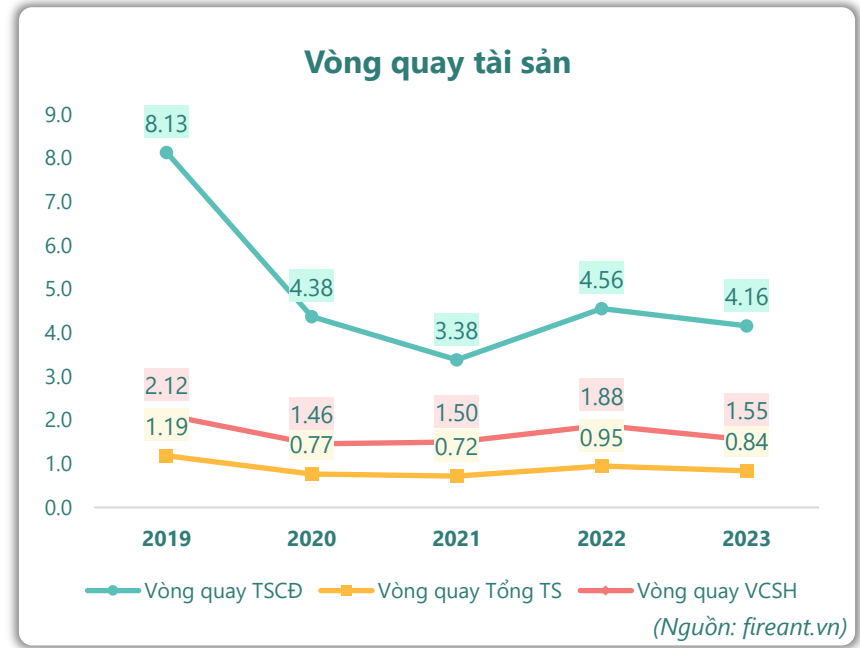
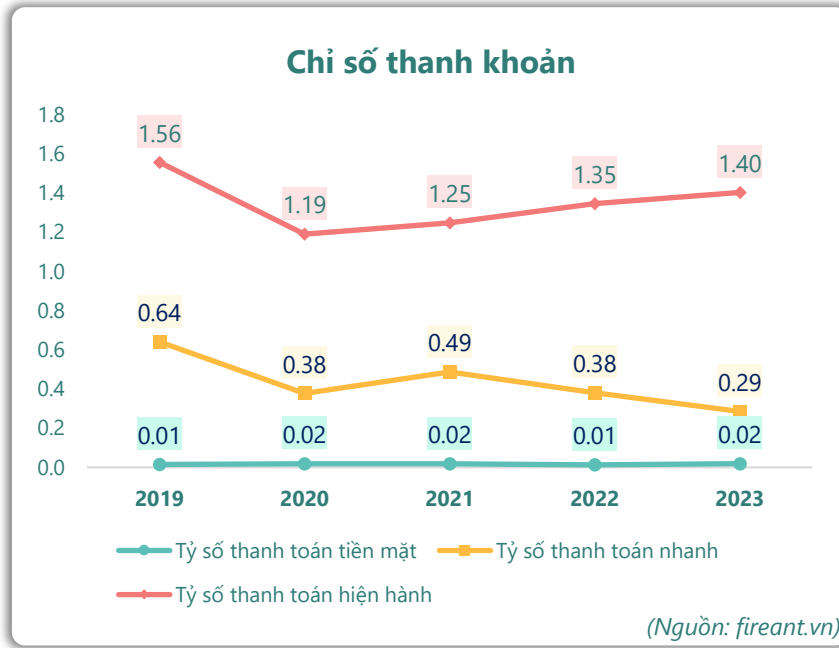
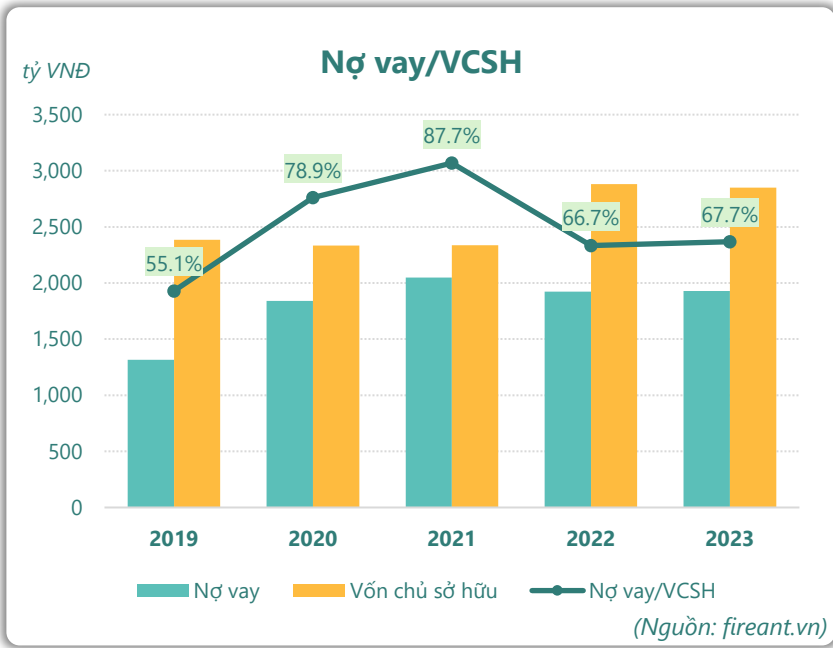


■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

# HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>3,439</b>	<b>3,494</b>	<b>4,897</b>	<b>4,439</b>
Giá vốn hàng bán	2,954	2,941	3,561	3,989
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>485</b>	<b>553</b>	<b>1,336</b>	<b>451</b>
Doanh thu HĐTC	42.9	41.0	79.7	32.1
Chi phí TC	80.0	115	188	165
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>61.9</b>	<b>103</b>	<b>105</b>	<b>137</b>
LN trong công ty LKLD	-0.29	0.11	-0.05	-4.02
Chi phí bán hàng	185	281	378	188
Chi phí QLDN	56.6	56.5	94.2	75.7
<b>LN thuần từ HĐKD</b>	<b>205</b>	<b>142</b>	<b>755</b>	<b>49.9</b>
Lợi nhuận khác	34.2	9.77	19.1	17.7
<b>LN trước thuế</b>	<b>240</b>	<b>151</b>	<b>774</b>	<b>67.6</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>202</b>	<b>129</b>	<b>674</b>	<b>41.8</b>
<b>LNST của CĐ cty mẹ</b>	<b>202</b>	<b>129</b>	<b>674</b>	<b>41.8</b>

(Nguồn: fireant.vn)

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-29.5	250	266	14.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-205	-300	57.0	302
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	254	48.8	-334	-307
Tiền đầu kỳ	24.6	43.8	42.7	31.1
<b>Lưu chuyển tiền thuần</b>	<b>19.3</b>	<b>-1.03</b>	<b>-10.9</b>	<b>9.69</b>
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.14	-0.07	-0.72	-1.07
Tiền cuối kỳ	43.8	42.7	31.1	39.7

(Nguồn: fireant.vn)

**CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>4,834</b>	<b>4,887</b>	<b>5,468</b>	<b>5,111</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>2,784</b>	<b>2,917</b>	<b>3,255</b>	<b>2,943</b>
Tiền và tương đương tiền	43.8	42.7	31.1	39.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	321	646	358	71.9
Phải thu ngắn hạn	432	381	435	364
Hàng tồn kho	1,900	1,780	2,333	2,344
Tài sản ngắn hạn khác	86.8	66.7	98.4	123
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>2,050</b>	<b>1,971</b>	<b>2,213</b>	<b>2,168</b>
Phải thu dài hạn	10.7	13.0	22.6	38.1
Tài sản cố định	1,019	1,046	1,102	1,032
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
Tài sản dở dang	784	779	896	918
Đầu tư tài chính dài hạn	147	30.2	76.2	71.8
Tài sản dài hạn khác	89.6	103	115	108
Lợi thế thương mại	0	0	0	0
<b>Nợ phải trả</b>	<b>2,500</b>	<b>2,552</b>	<b>2,585</b>	<b>2,260</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>2,339</b>	<b>2,337</b>	<b>2,420</b>	<b>2,098</b>
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,682	1,838	1,769	1,784
Phải trả người bán ngắn hạn	432	198	277	173
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>161</b>	<b>215</b>	<b>166</b>	<b>162</b>
Vay và nợ thuê dài hạn	159	210	153	145
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>2,334</b>	<b>2,336</b>	<b>2,882</b>	<b>2,851</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>2,334</b>	<b>2,336</b>	<b>2,882</b>	<b>2,851</b>
Vốn điều lệ	1,275	1,275	1,275	1,335
<b>Kinh phí và quỹ khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

(Nguồn: fireant.vn)